

QUỸ ETF SSIAM VNX50**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**Số/No. **73**2017/TB-SSIAM-PTSPHà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2017
Ha Noi, 10 November 2017**CÔNG BỐ THÔNG TIN
SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI****ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol*: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: **09/11/2017**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Components securities and cash component*:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	1.800	5,1%
2	HUT	400	0,4%
3	PVS	600	0,9%
4	SHB	2.000	1,4%
5	VCG	300	0,6%
6	VCS	100	2,0%
7	BID	400	0,9%
8	BMP	100	0,7%
9	BVH	160	0,7%
10	CII	450	1,3%
11	CTD	70	1,5%
12	CTG	870	1,6%
13	DCM	320	0,4%
14	DHG	110	1,0%
15	DPM	370	0,7%
16	DRC	140	0,3%



17	DXG	570	1,0%
18	FPT	1.020	4,9%
19	GAS	220	1,5%
20	GMD	370	1,3%
21	GTN	260	0,4%
22	HBC	250	1,2%
23	HCM	120	0,4%
24	HPG	2.170	7,2%
25	HSG	490	1,0%
26	KBC	820	0,9%
27	KDC	290	1,0%
28	MBB	2.300	4,9%
29	MSN	970	5,2%
30	MWG	470	5,4%
31	NKG	80	0,3%
32	NLG	130	0,3%
33	NT2	210	0,6%
34	PDR	210	0,6%
35	PNJ	200	2,0%
36	PVD	440	0,7%
37	PVT	260	0,3%
38	REE	440	1,3%
39	SBT	360	0,7%
40	SSI	760	1,6%
41	STB	3.490	3,5%
42	VCB	860	3,4%
43	VIC	2.170	12,8%
44	VNM	700	10,1%
45	SAB	250	6,3%
II	Tiền/Cash	1.058.058 VND	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and one lot of ETF in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Basket in value	1.112.583.500 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF	1.113.641.558 VND
+ Giá trị chênh lệch/ Spread in value	1.058.058 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Plan to reduce the spread*

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *With creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	51.500	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
2	SSI	23.050	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
3	VCB	43.600	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (09/11/2017)	Kỳ trước/Last Period (08/11/2017)	Chênh lệch/Change
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đang ký niêm yết/ Outstanding shares	9.800.000	9.800.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	11.220	11.100	120
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
<i>của quỹ ETF/ of the Fund</i>	<i>109.136.872.737</i>	<i>107.455.305.309</i>	<i>1.681.567.428</i>
<i>của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit</i>	<i>1.113.641.558</i>	<i>1.096.482.707</i>	<i>17.158.851</i>
<i>của 1 CCQ/ per Share</i>	<i>11.136,41</i>	<i>10.964,82</i>	<i>171,59</i>
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1300,76	1.298,39	237

Đại diện tổ chức
Organization representative



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Lê Hằng